

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ R  
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 37/2020/DS-ST

Ngày: 24-9-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Hữu Lý

2. Bà Nguyễn Thị Minh

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:* Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 126/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* V

Địa chỉ: L, phường TC, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông K; Chức vụ: Giám đốc V - chi nhánh thành phố R - Phòng giao dịch BN là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Giấy ủy quyền số 596/UQ-NHNo.CR-TH ngày 18/6/2020 của Giám đốc V- chi nhánh thành phố R. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần N, sinh năm: 1976 và bà Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh năm: 1977; Cùng nơi cư trú: Thôn HM, xã CTĐ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn V là ông K trình bày:* Ngày 22/3/2016, Phòng giao dịch BN thuộc V chi nhánh R Khánh Hòa đã ký kết hợp đồng vay vốn số: 4702-LAV-201600855/HĐTD với ông Trần N và Nguyễn Thị Quỳnh C; số tiền vay 50.000.000 đồng để bổ sung vốn nuôi cá mú; thời hạn vay vốn 13 tháng; lãi suất tại thời điểm cho vay 10,5%/năm, sau đó được điều chỉnh giảm còn

10%/năm; lãi suất quá hạn 150%/năm lãi suất trong hạn; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 24/4/2017. Ông N, bà C vay vốn tín chấp theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ. Số tiền gốc đã chuyển sang nợ quá hạn ngày 25/4/2017. Từ ngày nhận tiền vay đến nay vợ chồng ông N đã trả cho Ngân hàng số tiền 56.868.457 đồng, trong đó trả gốc là 40.000.000 đồng, trả lãi trong hạn đến hết ngày 12/11/2018 là 13.662.500 đồng và lãi quá hạn đến ngày 13/11/2018 là 3.155.556 đồng, trả phí phạt chậm trả lãi là 50.401 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và nhắc nhở đề nghị ông N, bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng đến nay ông N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và không hợp tác trong việc phối hợp xử lý nợ. Tính đến ngày 24/9/2020, số tiền vợ chồng ông N còn nợ Ngân hàng là 13.627.983 đồng, trong đó gốc 10.000.000 đồng, lãi trong hạn 1.893.655 đồng, lãi quá hạn 1.734.328 đồng. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, ông Khoa yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông N, bà C phải thanh toán số tiền nợ trên và các khoản lãi, phí phát sinh sau này.

\* Bị đơn ông Trần N, bà Nguyễn Thị Quỳnh C có mặt tại địa phương, đã được Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông N, bà C cố tình vắng mặt, không đến Tòa để cung cấp lời khai cũng như tham gia vào các phiên hòa giải, xét xử.

\* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giao nộp các tài liệu: Bản chính giấy ủy quyền số 596 ngày 18/6/2020; bản phô tô quyết định ủy quyền số 2965 ngày 27/12/2019; bản sao hợp đồng tín dụng số 4702-LAV-201600855/HĐTD; bản chính bảng kê tính lãi nợ vay; bản phô tô giấy chứng minh nhân dân ông N, bà C; bản phô tô sổ hộ khẩu chủ hộ ông N; bản sao giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn; bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BL 647238; bản sao giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 4702-LDS-201601627.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N, bà C phải trả 10.000.000 đồng nợ gốc, lãi 3.627.983 đồng và nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 25/9/2020 theo lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 4702-LAV-201600855/HĐTD ngày 22/3/2016 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc. V phải trả lại cho ông Nam, bà C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BL 647238, sổ vào sổ cấp GCN: CH05556 do Ủy ban nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/02/2014 cho ông N, bà C. Về án phí: Ông N, bà C phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

*[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn V là ông K yêu cầu bị đơn ông Trần N, bà Nguyễn Thị Quỳnh C phải trả tiền nợ vay Ngân hàng. Căn cứ vào nội dung vụ án, căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

*[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:*

Ngày 16/9/2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của ông K là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông N, bà C nhưng ông N, bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà C.

*[2] Về nội dung vụ án:*

*[2.1]* Ngày 22/3/2016 giữa V chi nhánh R Khánh Hòa- phòng giao dịch BN và ông Trần N, bà Nguyễn Thị Quỳnh C đã ký kết Hợp đồng vay vốn số: 4702-LAV-201600855/HĐTD số tiền 50.000.000 đồng để bổ sung vốn nuôi cá mú; thời hạn vay vốn 13 tháng; lãi suất tại thời điểm cho vay 10,5%/năm; lãi suất quá hạn 15,75%/năm; phương thức trả lãi 06 tháng/kỳ; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 24/4/2017. Tuy nhiên, ông N và bà C đã vi phạm cam kết trả nợ và đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/4/2017. Tính đến ngày 13/11/2018, ông N và bà C đã trả được 56.868.457 đồng, cụ thể gốc 40.000.000 đồng, lãi trong hạn 13.662.500 đồng và lãi quá hạn 3.155.556 đồng, trả phí phạt chậm trả lãi 50.401 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu ông N, bà C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông N, bà C vẫn không thực hiện. Do đó, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông N, bà C phải trả một lần hết số tiền gốc và lãi từ ngày 13/11/2018 đến ngày 24/9/2020 là 13.627.983 đồng, trong đó gốc: 10.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn: 3.627.983 đồng. Xét thấy: Việc ông N, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như hợp đồng đã ký kết là vi phạm điểm c khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 4702-LAV-201600855/HĐTD ngày 22/3/2016. Do đó, V khởi kiện thu hồi nợ gốc và lãi là có cơ sở phù hợp với điểm b khoản 6.1 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 4702-LAV-201600855/HĐTD ngày 22/3/2016; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và Án lệ số 08/2016/AL nên chấp nhận. Như vậy, ông Trần N, bà Nguyễn Thị Quỳnh C phải trả cho V tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn từ ngày 13/11/2018 đến

ngày 24/9/2020 là 1.893.655 đồng, lãi quá hạn từ ngày 25/4/2017 đến ngày 24/9/2020 là 1.734.328 đồng; tổng cộng là 13.627.983 đồng.

[2.2] Ông N, bà C vay vốn tại V chi nhánh R Khánh Hòa- phòng giao dịch BN với hình thức vay tín chấp theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ. Tại Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 22/3/2016, ông N đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố R cấp cho ông Trần N và bà Nguyễn Thị Quỳnh C ngày 08/02/2014 số phát hành BL 647238, số vào sổ cấp GCN: CH05556 cho V. Khoản 1, 2 và 3 Điều 9 của Nghị định 55 quy định: Tổ chức tín dụng được quyền cho cá nhân cư trú ngoài khu vực nông thôn có hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp (trừ đầu tư cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm) vay tối đa 50.000.000 đồng không có đảm bảo bằng tài sản, cá nhân phải nộp cho tổ chức tín dụng cho vay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo vay vốn tại một tổ chức tín dụng. Do đó, việc ông Nam giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho V không phải để đảm bảo khoản vay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không phải là tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Vì vậy, V phải trả lại cho ông N, bà C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BL 647238, số vào sổ cấp GCN: CH05556 do Ủy ban nhân dân thành phố R cấp ngày 08/02/2014 cho ông N và bà C.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông N, bà C phải nộp 681.399 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu của V.** Buộc ông Trần N, bà Nguyễn Thị Quỳnh C phải trả cho V số tiền 13.627.983 đồng (Mười ba triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi ba đồng), trong đó gốc 10.000.000 đồng; lãi trong hạn 1.893.655 đồng, lãi quá hạn 1.734.328 đồng và nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 25/9/2020 theo lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 4702-LAV-201600855/HĐTD ngày 22/3/2016 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc.

V phải trả lại cho ông Trần N, bà Nguyễn Thị Quỳnh C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BL 647238, số vào sổ cấp GCN: CH05556 do

Ủy ban nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/02/2014 cho ông Trần N, bà Nguyễn Thị Quỳnh C.

**2. Về án phí:**

Ông Trần N, bà Nguyễn Thị Quỳnh C phải nộp 681.399 đồng (Sáu trăm tám mươi một nghìn ba trăm chín mươi chín đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho V 325.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000732 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R.

**3. Quy định:** Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4. V,** ông Trần N, bà Nguyễn Thị Quỳnh C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Hồng Công**